TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
**CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV**

Số: 3560 /QĐ-NĐĐT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp nước uống, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật năm 2027**

## GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

*Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP;*

*Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 28/7/2026 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2027 NMNĐ Đông Triều - TKV ký giữa Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV và Tổng công ty Điện lực - TKV;*

*Căn cứ Văn bản số 1487/ĐLTKV-KH ngày 28/8/2026 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc triển khai công tác đấu thầu LCNT cho hoạt động SXKD năm 2027;*

*Căn cứ Tờ trình ngày 22/10/2026 của Tổ chuyên gia và Báo cáo thẩm định ngày 26/10/2026 của Tổ thẩm định;*

*Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư - Vật tư.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp nước uống, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật năm 2027 với các nội dung chủ yếu sau:

- Tổng giá trị dự toán (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là: **2.154.929.184 đồng** *(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng).* Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2027.

- Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp nước uống, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật năm 2027. Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

**Điều 2.** Giao phòng Kế hoạch Đầu tư - Vật tư chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan trong Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC, KHĐTVT.

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 0104297034-006 - C.T.C.P
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV
CN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

**Nguyễn Đình Tuấn**

# PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

**Gói cung cấp: Cung cấp nước uống, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật năm 2027**

*(Đính kèm Quyết định số 3560 /QĐ-NĐĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026)*

| STT | Tên vật tư, hàng hóa | Ký/mã hiệu, nhãn hiệu, quy cách, đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(5)x(6)* | *(8)* |
| 1 | Sữa tươi tiệt trùng | Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk có đường loại 180 ml/hộp của Công ty cổ phần sữa Việt Nam | Hộp | 57.024 | 8.000 | 456.192.000 | |
| 2 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng Vinamilk ADM có đường loại 180 ml/hộp của Công ty cổ phần sữa Việt Nam | Hộp | 57.024 | 7.300 | 416.275.200 | |
| 3 | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng | Sữa dinh dưỡng tiệt trùng Vinamilk ADM có đường loại 110 ml/hộp của Công ty cổ phần sữa Việt Nam | Hộp | 57.024 | 4.900 | 279.417.600 | |
| 4 | Nước khoáng thiên nhiên | Loại 350 ml/chai; 24 chai/thùng của Công ty TNHH La Vie | Thùng | 900 | 95.000 | 85.500.000 | |
| 5 | Nước uống tinh khiết | Loại 19 lít/bình | Bình | 4.884 | 20.000 | 97.680.000 | |
| 6 | Nước khoáng mặn | Loại 500 ml/chai; 20 chai/thùng của Công ty TNHH MTV Nước khoáng Công đoàn Quang Hanh | Thùng | 792 | 105.000 | 83.160.000 | |
| 7 | Nước khoáng chanh muối | Loại 355 ml/chai; 24 chai/thùng của Công ty TNHH MTV Nước khoáng | Thùng | 300 | 145.000 | 43.500.000 | |

| STT | Tên vật tư, hàng hóa | Ký/mã hiệu, nhãn hiệu, quy cách, đặc tính kỹ thuật | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(5)x(6)* | *(8)* |
| | | Công đoàn Quang Hanh | | | | | |
| 8 | Nước chè đỗ đen | 0,02 kg đỗ đen/1 lít nước; 0,07 kg đường trắng/1 lít nước; đá | Lít | 47.700 | 7.000 | 333.900.000 | |
| 9 | Nước chanh đường | 0,035 kg chanh/1 lít nước; 0,07 kg đường trắng/1 lít nước; đá | Lít | 30.720 | 6.500 | 199.680.000 | |
| **Tổng** | | | | | | **1.995.304.800** | |
| ***Thuế GTGT 8%*** | | | | | | ***159.624.384*** | |
| **Tổng cộng** | | | | | | **2.154.929.184** | |
| ***Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng.*** | | | | | | | |

# PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

**Gói cung cấp: Cung cấp nước uống, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật năm 2027**

*(Đính kèm Quyết định số 3560 /QĐ-NĐĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026)*

| STT | Tên gói cung cấp | Giá gói cung cấp (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà cung cấp | Phương thức lựa chọn nhà cung cấp | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cung cấp nước uống, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật năm 2027 | 2.154.929.184 | Chi phí SXKD năm 2027 | Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại mục a khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 45 ngày | Quý IV/2026 | Đơn giá cố định | 12 tháng |
| **Tổng cộng** | | **2.154.929.184** | | | | | | | |